

Tuần: 25
Tiết: 97,98

Ngày soạn: 4/3/2026
Ngày dạy:

Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI

Số tiết: 14 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

***Lồng ghép giới**

- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân.
- Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh minh họa cho các truyện cổ tích
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3p)

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.
- c) **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Điều kì diệu nhất trên thế gian này đó là dù có gần 8 tỉ người trên Trái Đất nhưng không có ai là bản sao 100% của ai cả. Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng giữa mọi người vẫn có sự tượng đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.	HS kể tên được một số truyện cổ tích đã học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học
- b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:** 4'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. Gv chuẩn kiến thức: Ý thứ nhất giới thiệu các VB được chọn đều gắn với chủ đề bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi. Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm về loại VB nghị luận. Đó là loại VB tập trung bàn bạc về một vấn đề nào đó (các VB đọc trong bài đều chứa đựng một vấn đề' cụ thể). Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc.	1. Giới thiệu bài học - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng iệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi. - Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó.
Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuyết đã đọc. b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện: 8'	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>Văn bản nghị luận là gì?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Trong bài học này, chúng ta sẽ được học hai văn bản nghị luận và một văn bản truyện. Sự khác nhau giữa hai kiểu văn bản đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học.	Văn bản nghị luận Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận - Lí lẽ là những lời diễn giải có tí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(3')

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: VB nghị luận và VB truyện có gì khác nhau? Hãy đọc các văn bản trong bài 8 để chỉ ra điểm khác biệt với các VB truyện đã học trước đó.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(2')

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: Em hãy nêu vai trò của văn bản nghị luận trong đời sống.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA! (Lạc Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
- Nhận biết được vấn đề VB đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Nắm được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

***Lòng ghép giới**

- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân.
- Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện	- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng.

nhiệm vụ: 1. <i>Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì?</i> 2. <i>Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Mỗi người là một sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng không có nghĩa là chúng ta chọn cách sống khác thường. Giữa mọi người vẫn có sự tương đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.	- Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ.
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản(15p)

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Văn bản Xem người ta kìa! thuộc thể loại nào trong văn học?</i> + <i>Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó</i> - GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học....	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn bản nghị luận

Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Khám phá văn bản(40p)

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?</i> + <i>Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Người mẹ thường nói với con điều gì khi</i>	3. Đọc- kể tóm tắt - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi” - PTBD: nghị luận Bố cục: 4 phần - Đoạn 1: <i>Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):</i> cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. - Đoạn 2: <i>Tiếp => mười phân vẹn mười:</i> Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác - Đoạn 3: <i>Tiếp => trong mỗi con người:</i> Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người. - Đoạn 4: <i>Phần còn lại (kết luận vấn đề):</i> hoà đồng, gần gũi mọi người nhưn cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nêu vấn đề : <i>cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác</i> - Câu nói của người mẹ: “Xem người

không hài lòng điều gì đó với đứa con?
 + Tâm trạng của người con ra sao mỗi lần nghe mẹ nói? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?
 + Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Người con cảm thấy không thoải mái, có sức vâng lời, cảm thấy không hề dễ chịu khi nghe mẹ nói.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

Gv bổ sung: Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng bạn bè. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng. Vậy theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với quan điểm của người mẹ? Chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt tiếp câu hỏi:

+ Khi đã lớn, đủ nhận thức, tác giả có đồng tình với quan điểm của người mẹ không?

Câu văn nào nói lên điều đó?

+ Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

ta kìa!”

- Mục đích: để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca

→ Mong ước rất giản dị, đời thường của mọi người mẹ.

2. Lí lẽ : Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác

- Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.

- Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
Dự kiến sản phẩm:
- Tác giả cho rằng điều mẹ mình mong muốn là có lí, thể hiện qua câu: *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
=> Ghi lên bảng
GV chuẩn kiến thức và bổ sung:
Dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, trân trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu.

NV4:
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ
- **GV đặt câu hỏi :**
+ *Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó*
+ *Tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào để chứng minh?*
+ *Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài văn nghị luận?*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
Dự kiến sản phẩm:
Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính

3. Dẫn chứng : Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.

- Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người, tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động
- Các dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao
- Nghệ thuật : dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp

chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người
 Dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao

- + ngoại hình
- + sở thích
- + tính cách

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
 => Ghi lên bảng

Mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Mọi người sẽ bù trừ cho nhau những ưu khuyết đó. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:
- + Tác giả đã nêu lên quan điểm như thế nào ở phần kết? Em đồng ý hay không đồng ý với quan điểm đó?
- GV hướng dẫn HS đưa ra quan điểm cần dựa trên cơ sở lập luận, có lí lẽ, bằng chứng, không nói cảm tính, hời hợt

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
 => Ghi lên bảng

4. Kết luận vấn đề

- Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.

GV chuẩn kiến thức NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * Nội dung: Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người. b. Nghệ thuật - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(5p)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh
d. Tổ chức thực hiện:
- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc hiểu văn bản, em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của bài văn nghị luận.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- GV yêu cầu HS: Em hãy viết đonạ văn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề:
Ai cũng có cái riêng của mình.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Thực hành Tiếng Việt
***Rút kinh nghiệm**

.....
.....
.....

Tuần: 25 – Tiết: 99,100

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, hân ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.
- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về trạng ngữ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung đầy đủ ý nghĩa cho câu và văn	HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng)

bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới (40p)

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm, các chức năng của trạng ngữ

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và đặt câu trong các trường hợp - <i>Quan sát bên ngoài sân trường và đặt một câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ.</i> - <i>Quan sát trong lớp học và đặt 2 câu đơn có 2 thành phần là chủ ngữ và vị ngữ.</i> - Sau khi đặt câu xong, GV yêu cầu HS thêm các từ chỉ thời gian/ địa điểm vào phía trước câu vừa đặt. Ví dụ Chim hót líu lo => Trên cành cây, chim hót líu lo Học sinh đang viết bài => Vào tiết Ngữ Văn, học sinh đang viết bài. - GV giảng tiếp: Thành phần mà các em vừa thêm vào đó chính là trạng ngữ. Vậy trạng ngữ là gì, thêm trạng ngữ trong câu để làm gì, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ + Dự kiến sản phẩm: HS rút ra khái niệm trạng ngữ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức: Các em có thể suy đoán nghĩa dựa vào những từ xung quanh. Trong ví dụ trên, nghĩa của từ “tứ cố vô thân” có thể dựa vào nội dung của từ xung quanh “vì mồ côi cha mẹ” để suy đoán nghĩa.	I. Trạng ngữ 1. Xét ví dụ 2. Nhận xét - Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, ... của sự việc được nêu trong câu. - Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: Khi nào ? Ở đâu ? Vì sao ? Để làm gì?
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	- Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối

- GV yêu cầu HS trả lời: 1. Quan sát ví dụ trong SHS về trạng ngữ trong câu 2. Qua các ví dụ trên, em hãy nhận xét về vị trí của trạng ngữ trong câu và nội dung mà trạng ngữ nêu trong các câu. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: + <i>Vị trí: Trạng ngữ thường đặt ở đầu câu, ngăn cách với thành phần nòng cốt bằng dấu phẩy.</i> + <i>Chức năng: nói về địa điểm, thời gian, nguyên nhân...</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng: GV bổ sung thêm: Ngoài các chức năng trên, trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu. Ví dụ trong câu: Cả tuần vừa rồi trời mưa to. Vì thế, nước sông dâng cao, ngập cả cây cầu. → trong câu văn trên, “Vì thế” là trạng ngữ chỉ nguyên nhân đồng thời có chức năng liên kết với câu trước đó.	câu. - Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc
NV3: Bài tập nhanh Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:</i> a. Trên cây, chim hót líu lo. b. Sáng nay, chúng em đi lao động. c. Vì rét, những cây bàng rụng hết lá. d. Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt. e. Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập. HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
NV4 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>Nhắc lại các cách để xác định nghĩa của từ?</i> HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(40p)

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm bài tập 2, xác định nghĩa	Bài tập 1/ trang 56 a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ → TN chỉ thời gian b. TN: giờ đây → TN chỉ thời gian c. TN: dù có ý định tốt đẹp → TN chỉ điều kiện Bài 2/ trang 57 a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về

của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3

- GV hướng dẫn HS, với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.

- GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

sự ve vè việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.

b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”:

câu văn mất đi tính phổ quát

c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết

điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu

Bài 3/ trang 57

a. hoa đã bắt đầu nở

- Thời tiết ấm dần, hoa đã bắt đầu nở.

- Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở.

- Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.

Bài 4/ trang 57

a. chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí

b. mười phen vten mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV5: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	Bài 5/ trang 57 a. thua em kém chị: nghĩa là thu kém mọi người nói chung b. mỗi người một vẻ:mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không giống ai c. nghịch như quỷ:: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường
--	---

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Hai loại khác biệt

***Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Tiết:101,102

VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT **(Giọng-mi Mun)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS hiểu được sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.
- HS nắm được cách thức trình bày ý kiến, từ đó vận dụng vào việc viết văn nghị luận đúng yêu cầu.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

***Lồng ghép giới**

- Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống.
- Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị: 1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao? 2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt	- HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình.

trội? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Lứa tuổi dậy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70p)

Hoạt động 1: Đọc văn bản(15p)

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Văn bản Hai loại khác biệt thuộc thể loại nào trong văn học? + Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó - GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay kể chuyện. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>Giong-mi Mun (tác giả VB), quái đản, quái dị,</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn bản nghị luận

học.... Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Khám phá văn bản(70p)

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

NV1:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

+ *Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*

+ *GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*

+ *Bố cục của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3. Đọc- kể tóm tắt

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”

- PTBD: nghị luận

Bố cục: 4 phần

- Đoạn 1: *Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Mỗi người cần có sự khác biệt

- Đoạn 2: *Tiếp => mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J

- Đoạn 3: *Tiếp => trong mỗi con người:* Cách để tại nên sự khác biệt

- Đoạn 4: *Phần còn lại (kết luận vấn đề):* Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự

những cảm xúc của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

- GV đặt câu hỏi:

+ Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập

gì? Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?

+ Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bài tập của GV: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.

- Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.

- Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.

- GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt tiếp câu hỏi:

+ Các bạn trong lớp đã thể hiện sự khác biệt như thế nào?

+ Bạn HS nào có cách thể hiện khác? Phản ứng của cả lớp trước cách thể hiện đó là gì?

+ Em nhận thấy sự khác nhau của việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Mỗi người cần có sự khác biệt

- Bài tập: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.

- Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.

- Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.

- GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, để mỗi HS tự rút ra được ý nghĩa của hoạt động
→ cách giáo dục giúp người học chủ động, tích cực nắm bắt vấn đề.

2. Bằng chứng : Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J

- Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường.

- Học sinh J chọn cách thể hiện sự

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phần trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý → bộc lộ cá tính

+ Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xưng hô lễ độ với thầy cô, bạn bè.

+ Phản ứng của mọi người: cười khúc khích dần dần mọi người nhận ra điều J làm mới tuyệt vời làm sao bởi hàng ngày J khá nhút nhát, ít nói.

→ Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

+ Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì? Em nhận xét gì về cách triển khai của tác giả?

+ Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của

khác biệt khác với ngày thường mình : thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người

→ Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau.

3. Lí lẽ : Cách để tại nên sự khác biệt

- Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.

- Đa số chọn loại vô nghĩa, vì nó đơn giản và chẳng mất công tìm kiếm nhiều. không cần huy động khả năng đặc biệt gì.

bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

- GV bổ sung: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:

+ *Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì thế, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được.

Lồng ghép giới:

Cần phải nhận thức được điểm mạnh của bản thân và phát huy nó một cách tích cực giúp bản thân tự tin hơn trong học tập và cuộc sống.

NV7

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: *Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

4. Kết luận vấn đề

- Sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người sẽ khiến mọi người đặc biệt chú ý.

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.

b. Nghệ thuật

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(15p)

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

Bài học này được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả, có giá trị đối với bất cứ ai.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh hay không? Vì sao

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.*

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chính thể của thể giới cổ tích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Ôn tập kiểm tra giữa kì II

***Rút kinh nghiệm**

.....

Tiết:103,104

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Kiến thức về các thể loại hoặc loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe.

- Kiến thức về tiếng Việt đã học ở nửa học kì 2.

2. Về năng lực:

- Chỉ ra được đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc loại văn bản đã được thể hiện qua các văn bản đã học ở nửa học kì 2.

- Nêu được các kiểu bài viết đã được thực hành khi học Ngữ văn 6, nửa đầu học kì 2 và hiểu được mục đích, yêu cầu, các bước cơ bản để thực hiện bài viết của kiểu bài đó và những kinh nghiệm tự rút ra được khi viết từng kiểu bài đó.

- Tóm tắt kiến thức tiếng Việt đã được học trong chương trình Ngữ văn 6, nửa học kì 2 và việc ứng dụng những kiến thức đó vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Trình bày được điều mình tâm đắc với một văn bản được học trong sách Ngữ văn 6, tập 2.

3. Về phẩm chất:

Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:
 - + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
 - + Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

2. Học sinh.

Xem lại các đơn vị kiến thức đã học trong các bài: bài 6 (Chuyện kể về những người anh hùng); bài 7 (Thế giới cổ tích); bài 8 (Khác biệt và gần gũi).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

CUỘC THI RUNG CHUÔNG VÀNG

a. Mục tiêu: Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua tất cả các bài học trong học kì 1.

b. Nội dung hoạt động: HS Tham gia cuộc thi

- Tự tổng hợp kiến thức theo gợi ý và giúp đỡ của GV

c. Sản phẩm: Đáp án từng câu, từng phần của 4 đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: 5'

- **Chia lớp làm 4 đội.** Gv yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 1. Mỗi đội được phát một bảng ghi và 1 bút dạ. Thành viên các đội phải tự chuẩn bị giấy bút để thảo luận. Mỗi đội sẽ cử một đội trưởng điền đáp án.

- **Người dẫn chương trình kiêm thư kí:** giáo viên (GV có thể mời một cán bộ Văn) tham gia cuộc thi với tư cách là thư kí

- **Đội nào viết nhanh, chính xác các nội dung trong phiếu sớm nhất sẽ nhận phần thưởng là tràng vỗ tay.**

Câu 1: Nhân vật truyền thuyết nào gắn với lễ hội ngày mùng 9 tháng 4 ở làng Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội?

Đáp án: Nhân vật Thánh Gióng

Câu 2: Truyện *Cây khế* thuộc thể loại truyện dân gian nào ?

Đáp án: Cổ tích

Câu 3: Yếu tố kì ảo chỉ có trong truyện truyền thuyết. Đúng hay sai?

Đáp án: Sai (Vì truyện cổ tích cũng có yếu tố kì ảo, ví dụ....)

Câu 4: Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

Đáp án: Phù Đổng Thiên Vương

Câu 5: Theo truyền thuyết Thánh Gióng, tên gọi làng Cháy bắt nguồn từ đâu?

Đáp án: Làng bị cháy vì ngựa thét lửa trong lúc Gióng đánh giặc.

Câu 6: Trạng ngữ trong câu văn sau bổ sung ý nghĩa gì?

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau.

(Em bé thông minh)

Đáp án: Bổ sung về thời gian.

Câu 7: Văn bản “*Xem người ta kia!*” sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

Đáp án: Nghị luận

Câu 8: Trong bài văn nghị luận, người viết dùng lí lẽ và dẫn chứng để nhằm mục đích gì?

Đáp án: Thuyết phục người đọc (người nghe)

Câu 9: Em sẽ chọn từ nào để điền vào dấu (...) trong câu văn sau:

Bị cười, không phải mọi người đều... giống nhau.

(phản ứng, phản xạ, phản bác, phản đối)

Đáp án: phản ứng

Câu 10: Truyền thuyết và cổ tích, thể loại nào ra đời trước?

Đáp án: Truyền thuyết

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP, HỆ THỐNG KIẾN THỨC

I. ÔN TẬP VỀ THỂ LOẠI VĂN BẢN ĐỌC HIỂU (20')

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Ôn lại kiến thức về các thể loại, đặc điểm của các thể loại văn bản, kiểu văn bản.
- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.
- HS trình bày được những suy nghĩ, thích thú, bài học của bản thân qua một văn bản mình ấn tượng.

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS lập bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2 (chỉ ra được đặc điểm thể loại)

Hs thuyết trình về điều tâm đắc của mình qua việc đọc một cuốn sách.

HS làm việc nhóm khăn trải bàn

c. Sản phẩm: HS trình bày được bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2.

- Thuyết trình được điều tâm đắc của bản thân qua đọc một đoạn văn bản.

Hoàn thành các bài tập sau:

Phiếu học tập số 1

	THỂ LOẠI	VĂN BẢN LỰA CHỌN	ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI	ĐIỀU EM TÂM ĐẮC QUA VB CỤ THỂ
Bài 6	Truyện thuyết			

Bài 7	Cổ tích			
Bài 8	Nghị luận			

Phiếu học tập số 2

Đặc điểm	Truyện thuyết	Cổ tích
Giống nhau		
Khác nhau		

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
(1) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn, hoàn thành phiếu học tập số 01. Thời gian: 7 phút <i>1. Lập danh sách các thể loại đã được học trong bài 6, 7, 8. Với mỗi thể loại đã học, chọn một văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:</i> <i>a. Chỉ ra đặc điểm cơ bản của thể loại được thể hiện qua văn bản ấy.</i> <i>b. Trình bày điều em tâm đắc với một văn bản qua đoạn viết ngắn hay qua hình thức thuyết trình trước các bạn hoặc người thân.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức (2) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Thảo luận theo cặp. <i>2. So sánh điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại truyện truyền thuyết và truyện cổ tích?</i> GV chia lớp thành 2 dãy, mỗi dãy 1 nhiệm vụ Dãy trái: Bài tập 2 Dãy phải: Bài tập 3 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	Bài 1. Lập danh sách các thể loại, và đặc điểm của thể loại. Bài 2. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích.

+ Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức	
--	--

Bài tập 1: Lập bảng thống kê các đơn vị kiến thức đã học trong các bài học 6, 7, 8 theo mẫu sau:

Gợi ý

STT	THỂ LOẠI	VĂN BẢN LỰA CHỌN	ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI	ĐIỀU EM TÂM ĐẮC QUA VB CỤ THỂ
1	Truyện thuyết	<i>Sơn Tinh, Thủy tinh</i>	Cốt truyện: Vua Hùng kén rể, thử tài, giao tranh.. Nhân vật: Hai nhân vật đều là tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng: +Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt được hình tượng hóa. + Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa - Chi tiết hoang đường kì ảo: tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh, lễ vật thách cưới của vua Hùng - Các chi tiết liên quan đến sự thật: Thành Phong Châu, núi Tản Viên, giải thích lũ lụt...	Ấn tượng về truyện: + Cuộc giao tranh và sự chống trả quyết liệt của Sơn Tinh: “ <i>Bốc từng quả đồi, dòi từng dãy núi</i> ”; “ <i>Nước cao lên bao nhiêu thì đồi núi cao lên bấy nhiêu</i> ” * Ý nghĩa: - Nhân mạnh tài năng của hai vị thần. Đặc biệt, ca ngợi tài năng, sức mạnh, ý chí của người anh hùng Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt. - Thể hiện ước mơ của nhân dân trong việc chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống
2	Cổ tích	<i>Cây khế</i>	- Cốt truyện: người anh, người em, xoay quanh chuyện cây khế, chim thần ăn khế trả vàng... - Nhân vật: Xây dựng hình tượng hai nhân vật	Hs có thể trình bày ấn tượng về yếu tố kì ảo, về cách kết thúc truyện, hoặc về người em.. Ví dụ: * Chim thần: - Đặc điểm: <i>biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của</i>

			đối lập, tương phản. - Yếu tố kì ảo: chim thần, không gian đảo xa - Trình tự kể: Kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả. - Lời kể: mở đầu bằng từ ngữ chỉ không gian, thời gian, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn. Truyện thể hiện ước mơ của nhân dân lao động về chiến thắng cuối cùng của cái thiện với cái ác.	cải. - Ý nghĩa: con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích: + xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; + thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.
3	Nghị luận	<i>Hai loại khác biệt</i>	- Vấn đề nghị luận: bàn về giá trị của sự khác biệt, nhưng phải là khác biệt có ý nghĩa. - VB có sự kết hợp chặt chẽ của hai thao tác lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật vấn đề cần bàn. - Khéo léo kết hợp kể, tác giả làm cho vấn đề tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận. - Thuyết phục mọi người: - Đề cao bản sắc của mỗi con người giá trị của mỗi người được hình thành từ năng lực, phẩm chất bên trong, và cần sự cố gắng thật sự.	HS có thể nêu những ấn tượng khác nhau về hình thức lập luận, dẫn chứng, cách nêu vấn đề... của VB. Ví dụ: Ấn tượng về cách nêu vấn đề nghị luận - Tác giả kể lại một hồi ức: Bài tập mà thầy giáo giao cho học sinh thực hiện nhằm mục đích: tạo cơ hội để học sinh bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Thầy giáo khuyến khích, để học sinh tự do thể hiện khác biệt của mình. Tác giả nêu vấn đề bằng cách kể lại câu chuyện mà mình trực tiếp tham gia. Dùng lời kể nêu vấn đề làm tăng tính hấp dẫn, gây tò mò, lời văn nhẹ nhàng, dễ tiếp nhận

Bài tập 2: So sánh điểm giống và khác giữa truyện truyền thuyết và truyện cổ tích

Đặc	Truyện thuyết	Cổ tích
-----	---------------	---------

điểm		
Giống nhau	• Đều là một thể loại văn học dân gian. • Đều có yếu tố kì ảo.	
Khác nhau	- Các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ; - Có cốt lõi là những sự thực lịch sử. - Yếu tố kì ảo đóng vai trò thần kì hóa để ngợi ca các nhân vật lịch sử - Thể hiện quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể	- Phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta. - Cốt lõi truyện hoàn toàn hư cấu. - Yếu tố kì ảo đóng vai trò cân cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng, mơ ước và niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt với cái xấu. - Thể hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại.

II. CÁC KIỂU BÀI VIẾT ĐÃ THỰC HÀNH (20')

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Ôn lại kiến thức về các kiểu bài viết đã học ở bài 6,7,8 về mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết cũng như đề tài cụ thể và những kinh nghiệm quý báu khi viết các kiểu bài đó.

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS lập bảng hệ thống các kiểu bài (thực hiện phiếu học tập số 3).

HS làm việc nhóm (sử dụng kĩ thuật cặp đôi chia sẻ)

c. Sản phẩm: Bảng hệ thống các kiểu bài (thực hiện phiếu học tập số 3)

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 3

Bài học	Các kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài	Các bước cơ bản để thực hiện bài viết
6				
7				
8				
HD của thầy và trò				Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HOẠT ĐỘNG NHÓM THEO CẶP ĐÔI GV hướng dẫn HS tìm ý chính ý theo các				II. CÁC KIỂU BÀI VIẾT ĐÃ THỰC HÀNH

- Hướng dẫn HS viết ý tưởng cá nhân, sau đó thảo luận thống nhất ý kiến với bạn. Hãy nêu các kiểu bài viết mà em đã thực hành ở các bài 6,7,8. Với mỗi kiểu bài, cho biết: a. Mục đích mà kiểu bài hướng tới. b. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. c. Các bước cơ bản để thực hiện bài viết. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	
---	--

Bài học	Các kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài	Các bước cơ bản để thực hiện bài viết
6	Thuyết minh thuật lại một sự kiện	Trình bày, cung cấp thông tin về một sự kiện	- Xác định rõ và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp; - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại; - Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lý; tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu; - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết	- Lựa chọn sự kiện - Thu thập dữ liệu về sự kiện - Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian
7	Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích	Kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có sáng tạo mới mẻ.	- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất, đóng vai một nhân vật trong truyện. - Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo	- Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng - Chọn lời kể phù hợp - Ghi những nội dung chính của câu chuyện

			- Thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm.	
8	Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)	Thuyết phục người khác bằng lập luận theo ý kiến của mình	- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. - Thể hiện được ý kiến của người viết. - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.	- Lựa chọn đề tài. - Xác định ý kiến, thái độ của em - Những khía cạnh cần bàn bạc - Bài học rút ra từ vấn đề

III. NHỮNG NỘI DUNG THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE (20')

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã thực hành nói và nghe đã học ở bài 6,7,8.
- Hiểu được mục đích của hoạt động nói ở các văn bản ở các bài 6,7,8.

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS suy nghĩ câu hỏi của Gv.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS thông qua hình thức vấn đáp, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân. Hãy khái quát các kiểu bài viết em đã thực hành bài 6,7,8 Nhiệm vụ: - Những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua là gì? Nêu những yêu cầu cần chú ý khi thực hiện từng dạng bài nghe nói? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi, hoàn thiện yêu cầu nhiệm vụ được giao Bước: Báo cáo, thảo luận: - HS xung phong trình bày; - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định Nhận xét phần trình bày của các cá nhân, để bổ sung. GV chú ý rèn cho HS tác phong tự tin, mạnh dạn trình bày quan điểm cá nhân.	1. Kể lại một truyền thuyết + Chọn truyền thuyết mà em yêu thích, nắm vững các sự việc. + Ngôi kể: thứ ba + Xác định từ ngữ then chốt, giọng kể thích hợp, bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn, có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ.. 2. Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật. + Chọn truyện cổ tích mà em yêu thích, nắm vững các sự việc. + Ngôi kể: thứ nhất + Tóm tắt câu chuyện (kể các sự việc chính, chọn sự việc nào để kể sáng tạo, miêu tả chi tiết) + Xác định từ ngữ then chốt, giọng kể phù hợp với tâm trạng, hoàn cảnh của nhân vật. 3. Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm - Tóm lược nội dung bài viết thành dạng đề

	cương.
--	--------

IV. KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT KÌ II (15')

a. Mục tiêu:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở bài 6,7,8.

b. Nội dung hoạt động: Làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

1. Công dụng của dấu chấm phẩy:

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Liệt kê những kiến thức tiếng Việt mà em đã được học trong bài 6,7,8. Tìm công dụng của dấu chấm phẩy trong trường hợp sau đây GV hướng dẫn HS làm việc theo hình thức cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, theo dõi ví dụ, xác định công dụng của dấu chấm phẩy. Từ đó tái hiện ôn tập kiến thức. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả.	a.- Dấu chấm phẩy: thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp. b. Bài tập - <i>Én bố mẹ tấp nập đi, về, mãi một móm cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra rành chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.</i> Nhận xét: Câu ghép có ba vế câu. Ở vế thứ nhất đã dùng dấu phẩy để liệt kê hoạt động “<i>đi, về, kiếm mồi</i>”, nên ranh giới giữa ba câu ghép cần đánh dấu bằng dấu chấm phẩy (ở đây cũng là một phép liệt kê, mỗi vế câu liệt kê một đặc điểm của én ở độ tuổi khác nhau)

2. Các cách nhận biết nghĩa từ ngữ trong văn bản.

Phiếu học tập số 4

a. Có những cách nào để em nhận biết nghĩa của từ ngữ? b. Thực hành: Đọc những câu sau đây, vận dụng phương pháp đã được hướng dẫn để suy đoán nghĩa của các từ ngữ in đậm. Lí giải cách suy đoán của em để biết được nghĩa của các từ ngữ đó. 1- Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nhòng nhệ của người xem. 2- Cô con gái út của phú ông đồng ý lấy Sọ Dừa. 3- Nhút nhát là nhược điểm vốn có của cậu ấy.	
--	--

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thực hiện phiếu học tập theo nhóm phiếu học tập số 4 theo nhóm bàn a. Có những cách nào để em nhận biết nghĩa của từ ngữ? b. Thực hành: Đọc những câu sau đây, vận dụng phương pháp đã được	a. Các cách nhận biết nghĩa từ ngữ trong văn bản: Cách 1: Tra từ điển. Cách 2: Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó. b. Bài tập: 1- Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn

hướng dẫn để suy đoán nghĩa của các từ ngữ in đậm. Lí giải cách suy đoán của em để biết được nghĩa của các từ ngữ đó. 1- Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem. 2- Cô con gái út của phú ông đồng ý lấy Sọ Dừa. 3- Nhút nhát là nhược điểm vốn có của cậu ấy. GV hướng dẫn HS làm việc theo hình thức cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện phiếu học tập số 4. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận - Các nhóm nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả.	trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem. - nồng nhiệt: thể hiện sự ủng hộ, động viên từ phía người khác dành cho mình. 2- Cô con gái út của phú ông đồng ý lấy Sọ Dừa. - đồng ý: Có cùng ý kiến, bằng lòng, nhất trí với ý kiến đã nêu. 3- Nhút nhát là nhược điểm vốn có của cậu ấy. - nhược điểm: để chỉ những hạn chế vốn có ở con người d. Ông đang miệt mài tạc một pho tượng bằng đá. - tạc: đục, gọt hay chạm trổ vào gỗ, đá, v.v. để tạo nên những hình khối có giá trị nghệ thuật
--	--

3. Trạng ngữ.

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm												
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thực hiện phiếu học tập theo nhóm phiếu học tập số 5 Trạng ngữ có đặc điểm và công dụng như thế nào trong câu? Bài tập: Tìm trạng ngữ trong đoạn văn sau và lí giải tác dụng của chúng: <i>Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược. Nghĩa quân Lam Sơn nhiều lần chống giặc nhưng đều bị thua. Thấy vậy Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn Gươm thần để đánh giặc.</i> Phiếu học tập số 5 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Trạng ngữ</th><th>Công dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td></td></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	Trạng ngữ	Công dụng					a. Trạng ngữ. + Trạng ngữ là thành phần phụ, + được dùng để nói rõ địa điểm, thời gian, nguyên nhân, điều kiện, trạng thái, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu. + có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn. Ví dụ: <i>Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố gắng tự học.</i> b. Bài tập: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Trạng ngữ</th><th>Công dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam</i></td><td>trạng ngữ chỉ thời gian, xác định thời điểm diễn ra câu chuyện</td></tr> <tr> <td><i>Bảy giờ, ở vùng Lam Sơn</i></td><td>trạng ngữ "bảy giờ" được dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc được nhắc đến trong câu và liên kết câu chứa trạng ngữ với chỉ thời gian của sự việc được</td></tr> </tbody> </table>	Trạng ngữ	Công dụng	<i>Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam</i>	trạng ngữ chỉ thời gian, xác định thời điểm diễn ra câu chuyện	<i>Bảy giờ, ở vùng Lam Sơn</i>	trạng ngữ "bảy giờ" được dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc được nhắc đến trong câu và liên kết câu chứa trạng ngữ với chỉ thời gian của sự việc được
Trạng ngữ	Công dụng												
Trạng ngữ	Công dụng												
<i>Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam</i>	trạng ngữ chỉ thời gian, xác định thời điểm diễn ra câu chuyện												
<i>Bảy giờ, ở vùng Lam Sơn</i>	trạng ngữ "bảy giờ" được dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc được nhắc đến trong câu và liên kết câu chứa trạng ngữ với chỉ thời gian của sự việc được												

			nhắc đến trong câu.
		Thấy vậy	dùng để liên kết câu chứa trạng ngữ với những câu trước đó.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện phiếu học tập số 5. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận - Các nhóm nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả.			

4. Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hình thức cá nhân - Nhắc lại vì sao chúng ta cần lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu? - Chọn từ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn: 1- Đi đường phải luôn luôn ... để tránh tai nạn. (nhìn, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng) 2- Ngoài ... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ. (phân đầu, sức lực, khả năng, nỗ lực) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận - Các HS nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả.	Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu + Ở bất cứ vị trí nào trong câu, hiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp . Nên cần lựa chọn từ ngữ + Việc lựa chọn cấu trúc câu là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. Ví dụ: - Đi đường phải luôn luôn quan sát để tránh tai nạn. - Ngoài nỗ lực của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS

b) **Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

d) **Tổ chức thực hiện hoạt động: 10'**

Bước 1: Giao nhiệm vụ :

Câu 1: Hãy cho biết những kiến thức tiếng Việt ấy đã giúp em đọc, viết, nói và nghe như thế nào.

Câu 2: Những bài học cuộc sống mà em rút ra sau khi học các VB đọc hiểu ở bài 6,7,8?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận trong 5 phút

- Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận.

- Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, thái độ làm việc của các nhóm, các cá nhân và cho điểm.

- GV chốt kiến thức:

Câu 1: Việc học những kiến thức tiếng Việt ấy đã giúp em đọc, viết, nói và nghe:

- Em biết các thao tác sử dụng từ ngữ khi nói viết: cần hiểu nghĩa của từ, lựa chọn từ ngữ phù hợp khi sử dụng.

- Biết suy đoán nghĩa từ ngữ để việc nghe trở nên dễ dàng và dễ tiếp nhận ý kiến của người nói.

- Có ý thức rèn luyện và trau dồi vốn từ khi đọc.

Câu 2: Những bài học cuộc sống mà em rút ra sau khi học các VB đọc hiểu ở bài 6,7,8:

- Bài học về lòng yêu nước và tự hào dân tộc, lòng biết ơn cha ông đã có công hiến bao công lao để dựng nước và giữ nước: qua các câu chuyện truyền thuyết: *Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Bánh chưng, bánh giầy*...

- Bài học về lòng nhân ái, vị tha, tránh xa thói đố kị, tham lam ích kỷ, về ước mơ khát vọng, niềm tin vào những điều tốt đẹp của cuộc sống, thể hiện qua các câu chuyện cổ tích: *Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe*,...

- Bài học về sự tôn trọng điểm khác biệt, nét riêng độc đáo của người khác, ...qua các VB *Xem người ta kia!*, *Hai loại khác biệt*,...

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Kiểm tra giữa học kì 2

***Rút kinh nghiệm**

.....
.....
.....

Tiết 105,106:

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

(Đề đã được chuyên môn phê duyệt trước khi cho HS làm bài kiểm tra giữa HKII và lưu trên hệ thống edoc của nhà trường.)

Tiết:107

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS hiểu được vì sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Dù lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu có sự khác biệt về thao tác, nhưng có chung một mục đích: để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.
- HS nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/nói cụ thể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.
- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV ra câu hỏi tình huống: An và Thảo trong giờ ra chơi đã nhìn thấy một chú chim nhỏ nằm im trên sân trường. An lên tiếng: - Ôi! Có một con chim đã bị chết rồi. Thảo tiếp lời: Sau cậu nói vậy? Nó chết đáng thương như vậy, mình phải dùng từ là con chim đã hi sinh chứ? Theo em, em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	HS lựa chọn cách nói của bạn An. Từ “hi sinh” cũng đồng nghĩa với chết nhưng chỉ dùng cho những người chịu sự tổn hại về vật chất, tinh thần nhằm một mục tiêu cao cả hoặc một lý tưởng tốt đẹp.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV dẫn dắt: Như vậy, việc lựa chọn từ ngữ hay cấu trúc câu trong tạo lập văn bản có vai trò rất quan trọng, thể hiện được nội dung, thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Đồng thời, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ, dấu ấn cá nhân của người viết. Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong văn bản.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(15p)

Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học về lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong tạo lập văn bản(15p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm: + <i>Trong nói và viết, em có thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?</i> + <i>Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?</i> + <i>Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: + Muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp cần hiểu nghĩa của từ định dùng. + Khi viết câu cần chú ý đúng ngữ pháp và mục đích của câu nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm	I. Ôn tập lí thuyết 1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản - Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết. 2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản - Khi viết, cần chú ý những yếu tố: tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản.

văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(20p)

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.	II. Luyện tập Bài tập 1/ trang 61 a. Trong câu: “<i>Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao</i>”, không thể dùng từ <i>kiểu</i> để thay cho <i>vẻ</i> được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ <i>kiểu</i> thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi <i>vẻ</i> thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...). b. Từ <i>khuất</i> được dùng trong câu: “<i>Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.</i>” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: <i>mất, từ trần, hi sinh</i>. Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ <i>khuất</i> thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát. c. Trong tiếng Việt, <i>xúc động, cảm động, xúc cảm</i> là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. <i>Xúc động</i> biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với <i>cảm động</i> hay <i>xúc cảm</i>. Vì thế, từ <i>xúc động</i> là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu “<i>Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi</i>”
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 2. GV hướng dẫn HS: ghi câu trả lời vào vở bài tập. Thử đưa các từ vào câu văn và xem từ ngữ nào phù hợp nhất. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi	Bài 2/ trang 62 a. phản ứng b. hoàn hảo c. quan sát d. nỗ lực

Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.
- GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi:
- + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?
- + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.
- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm
- Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác:
- Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.

Bài 3/ trang 62

a. cụm từ *giờ đây khi hồi tưởng lại* là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.

b. Câu văn “*Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.*” cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên.*” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.

c.

Câu c: “*Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lắng.*” miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “*Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lắng và tiến lên phía trước.*” thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa.

Bài 4/ trang 36

a. Câu “*Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.*” có hai vế, vế đầu nêu băn khoăn về một điều chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu

- Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.
- Kiểm tra xem có phù hợp không
- Kiểm tra xem câu có phù hợp không?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

trúc thành “Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.” thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.

b.

Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt về nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng* và “*căn bệnh*” *hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi ở trường em. Chú ý sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Bài tập làm văn

***Rút kinh nghiệm**

.....

Tiết:108

VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN

(Trích Nhóc Ni-cô-la, những chuyện chưa kể, Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giảng-giác Xăng-pê)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của truyện: lời kể chuyện hài hước vui nhộn, lời đối thoại sinh động, hấp dẫn.
- HS hiểu được nội dung của truyện

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS hiểu được sự khác nhau cơ bản giữa Vb nghị luận và VB văn học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tự lập, biết suy nghĩ, nỗ lực cố gắng và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: + Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài tập khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không? + Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt:	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện: 10'**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Có thể yêu cầu HS phân vai người kể chuyện, nhân vật và có giọng đọc phù hợp tùy vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>lệch đẹt, phật ý</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
 b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
 c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
 d. **Tổ chức thực hiện:** 20'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Xác định thể loại, bố cục của văn bản?</i> <i>Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy và tác dụng của ngôi kể?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>1. Cậu bé Ni-cô-lai đã nhờ bố giúp việc gì?</i> <i>2. Theo em, tại sao cậu phải nhờ bố làm hộ bài tập? Theo em hành động nhờ người khác làm giúp bài tập là nên hay không nên?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Có thể có nhiều lí do: + Ni-cô-la học yếu môn Văn, không tự tin về môn văn + Đề văn khó nên Ni-cô-la cảm thấy chật vật. + Trong học tập, Ni-cô-la thường có thói quen cậy dựa, không tự lực - Không nên nhờ người khác làm giúp mà mình cần nỗ lực, cố gắng làm bài tập của mình	2. Thể loại - VB văn học - Ngôi kể: thứ nhất - Tác dụng: ngôi kể thứ nhất giúp nhân vật thể hiện được những tâm trạng, suy nghĩ của mình một cách cụ thể và rõ nét nhất. 3. Bố cục: 3 phần - P₁: Từ đầu -> rất là tuyệt: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập - P₂: Tiếp theo -> ông Blê-đúc tức giận: Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé - P₃: Còn lại: Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn II. Tìm hiểu chi tiết 1. Cậu bé nhờ bố làm giúp bài tập - Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt tiếp câu hỏi:
- + *Người bố có thái độ ra sao khi Ni-cô-la nhờ làm bài tập?*
- + *Bố có muốn làm bài thay cho Ni-cô-la vào lần sau nữa không?*
- + *Việc làm bài của người bố là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?*
- + *Giọng kể chuyện ở đây nghiêm khắc hay hài hước?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời:
- + *Tại sao sau khi Ni-cô-la kể ra nhiều người bạn của mình mà bố cậu vẫn thấy khó viết?*
- + *Nếu không biết ai là bạn thân nhất của Ni-cô-la mà vẫn giúo cậu bé thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có đáp ứng yêu cầu của đề được không?*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm: Cả người bố và ông Blê-đúc đều không hiểu về những người bạn của Ni-cô-la nên không thể viết được bài văn

2. Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé

- Thái độ người bố: vui vẻ, hài hước khi nhận lời giúp cậu bé.

- Bố của Ni-cô-la cảm thấy khó viết vì bố hoàn toàn không hiểu về những người bạn đó của cậu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: *Ni-cô-la đã có quyết định như thế nào ? Kết quả ra sao ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Quyết định của Ni-cô-la là hoàn toàn đúng đắn, chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Nếu nhờ bố hoặc ai khác làm bài thì bài văn đó sẽ không phải là của cậu bé.

Trong học tập, trao đổi với nhau là điều cần thiết nhưng viết bài tập làm văn hay làm bài kiểm tra là hoạt động cá nhân, các em cần nỗ lực hết sức để làm bài cả mình.

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: *Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận

3. Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn

- Cậu bé quyết định tự làm bài văn → bài văn đạt điểm cao, cô giáo khen ngợi.
- Ni-cô-la đã nhận ra cần phải tự lực, cố gắng hoàn thành công việc

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

- Nội dung: kể về việc cậu bé Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập văn.
- Ý nghĩa: nên tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình.

2. Nghệ thuật

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện: 5'
 - GV yêu cầu HS: Hãy đóng vai là Ni-cô-la và kể lại câu chuyện này.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện: 5'
 - GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, nếu gặp phải đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm gì?
 Gợi ý:
 - Đầu tiên, cần chọn người bạn mà mình cảm thấy thân thiết, gần gũi, thấu hiểu nhất.
 - Nhớ lại những đặc điểm riêng, đức tính của bạn, nhữn kỉ niệm gắn bó thân thiết giữa hai người.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
 - Chuẩn bị cho tiết học sau: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm.

***Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Tiết 109,110

VIẾT VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài văn.
 - Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy? - GV đặt câu hỏi: <i>Em cho biết VB Xem người ta kia! Được tác giả viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến của tác giả không? Vì sao?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	- VB viết ra nhằm trình bày về một hiện tượng rất phổ biến trong xã hội: cha mẹ thường so sánh con mình với người khác để noi gương theo.

GV dẫn dắt vài bài: Trong xã hội, có nhiều vấn đề chúng ta quan tâm và suy nghĩ. Vậy để trình bày một vấn đề, hiện tượng trong đời sống, chúng ta cần làm thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70p)

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)(15p)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn nghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Dựa vào văn bản đã học <i>Xem người ta kia!</i>, hãy trả lời các câu hỏi sau: + <i>Hiện tượng gì được nêu để bàn luận trong văn bản?</i> + <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng, vấn đề đã nêu?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?</i> - Từ đó, GV yêu cầu HS: Rút ra những yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: + Hiện tượng bàn luận: cha mẹ thường so sánh con cái của mình với những tấm gương tốt hơn. + Người viết có sự đồng tình ở một mức độ (sự so sánh vì để con cái noi theo và có ý kiến riêng của mình. + Bài viết đã đưa ra những dẫn chứng và lí lẽ để khẳng định: Hoà đồng, gần gũi với mọi người nhưng cũng cần tôn trọng sự riêng biệt ở mỗi người. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của	I. Tìm hiểu chung 1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề): - Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. - Thể hiện được ý kiến của người viết. - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Như vậy đề bài văn rõ ràng, rành mạch, có tính thuyết phục người đọc thì người viết cần phải nêu lên vấn đề bàn luận rõ ràng, bài viết thể hiện được quan điểm riêng của người viết và phải có những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.	
Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo(15p) a. Mục tiêu: Hiểu được các đặc điểm của bài văn thuyết minh b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau: + <i>Hiện tượng gì được nêu để bàn luận trong văn bản?</i> + <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng, vấn đề đã nêu?</i> + <i>Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - Dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm, một số HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình.	2. Phân tích bài viết tham khảo + Bài viết nêu ra vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường. + Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục của học sinh. + Dẫn chứng: - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà. - Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường. - Đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo. - Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước(40p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn
b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn HS chọn đề tài: Yêu cầu HS đọc SHS để tham khảo các đề tài được giới thiệu - GV hướng dẫn HS tìm ý: Sau khi HS tìm được đề tài, GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài văn nghị luận theo Phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(15p)

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
 - GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
 - GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
 - Chuẩn bị cho tiết học sau: Nói và nghe.

***Rút kinh nghiệm**

Tiết 111.

NÓI VÀ NGHE **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS chọn được một vấn đề gần gũi, có ý nghĩa trong đời sống để trình bày ý kiến của mình.
- HS biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.
- Biết tóm tắt nội dung bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS xem lại bài viết đã viết trước ở nhà. HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	

+ HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về một hiện tượng, vấn đề đời sống	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(15p)

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói(5p)

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói, yêu cầu HS làm việc theo nhóm: + Sử dụng dàn ý của bài viết, lược bỏ những chỗ chỉ phù hợp với hình thức viết. + Sắp xếp ý + lựa chọn từ ngữ - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. + Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	1. Chuẩn bị bài nói 2. Các bước tiến hành a. Xác định mục đích nói và người nghe - Xác định mục đích nói: thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân trước một hiện tượng, vấn đề trong đời sống. Xác định người nghe: các bạn học sinh và cô giáo. b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
--	--

Hoạt động 2: Trình bày bài nói(25p)

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	3. Trình bày bài nói - Nội dung nói: bám sát đề cương đã thống nhất trong nhóm - Cách thức nói: bài viết yêu cầu trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, ngôn ngữ mạch lạc, rõ ràng, chặt chẽ, phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để bài nói có sức thuyết phục.

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói(5p)

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - GV đặt thêm câu hỏi: + Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa? + Hiện tượng có gần gũi và thiết thực không? + Nội dung nói đầy đủ chưa? Quan điểm của người nói thế nào? Có sức thuyết phục không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(5p)

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập, đọc.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng, kể một hiện tượng văn đề đời sống (GV có thể chủ động ra đề)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Tri thức ngữ văn. Văn bản 1. Trái đất, cái nôi của sự sống.

***Rút kinh nghiệm**

.....

Tiết 112

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

I/ Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nhận ra được những ưu điểm, khuyết điểm khi viết loại bài văn bc từ đó có hướng sửa chữa, khắc phục những lỗi trong bài viết của mình.

- Nhận ra được những kiến thức còn chưa nắm rõ, từ đó có hướng học tập hiệu quả hơn.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Phẩm chất: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II/ Chuẩn bị:

1/ Giáo viên: giáo án, chuẩn kt, bài kiểm tra đã chấm, đáp án, biểu điểm,...

2/ Học sinh: những kiến thức đã học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5P)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ câu chuyện kỷ niệm của bản thân.

c) Tổ chức thực hiện:

- Gv giới thiệu bài mới:

Trong bài kiểm tra, đánh giá giữa kì 2, các em đã vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành một bài kiểm tra định kì. Ở tiết học này, các em sẽ được xem lại bài làm đó để nhận biết được ưu, nhược điểm trong bài viết của mình dựa trên sự góp ý của cô và các bạn. Từ đó, các em biết phát huy tinh thần tự giác, tích cực học tập, rút kinh nghiệm cho bản thân để những bài kiểm tra sau có kết quả tốt hơn.

HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ BÀI (15P)

a. Mục tiêu:

- HS chỉ ra được ưu điểm, nhược điểm của bài.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi hoàn thành bài tập PHT.

c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu của bài làm - GV chiếu đề bài: - Hs theo dõi: ? Quan sát đề kiểm tra, đánh giá giữa kì II, em hãy cho biết đề bài gồm mấy phần? Yêu cầu làm bài của mỗi phần như thế nào? - Hs trả lời: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, khắc sâu: - Hs chú ý: *Hoạt động 2: Trả bài - Gv chiếu đáp án và trả bài thi cho Hs: - Hs theo dõi và quan sát, xem lại từng phần trong bài của mình. *Hoạt động 3: Nhận xét về kết quả bài viết - GV nhận xét, đánh giá và rút kinh	I. Yêu cầu của bài làm 1. Hình thức: - Trình bày sạch sẽ, khoa học - Diễn đạt: đúng chính tả, ngữ pháp, không viết hoa, viết tắt sai quy tắc, lời văn trong sáng. - Đảm bảo bố cục đoạn văn, bài văn theo yêu cầu của kiểu bài. 2. Nội dung: - Phần Đọc hiểu: trả lời đúng, đủ ý, ngắn gọn, chính xác. - Phần viết văn: Bài viết cần + Nêu đúng vấn đề nghị luận + Bày tỏ rõ quan điểm cá nhân qua một hệ thống luận điểm luận cứ rõ ràng, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng phù hợp, sinh động, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. + Mở rộng, liên hệ phù hợp. II. Trả bài Đáp án và bài làm của Hs III. Nhận xét kết quả của bài viết 1. Ưu điểm: - Phần đọc hiểu: đa số các em làm khá

nhận nhiệm vụ viết chung cho cả lớp: - HS chú ý lắng nghe: - HS tự ghi lại những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của mình - Hs trao đổi bài với bạn bên cạnh, kiểm tra và góp ý cho bạn sửa lỗi (nếu có) trong bài kiểm tra. - Gv khích lệ sự cố gắng của các em *Hoạt động 4: Chỉnh sửa bài viết - GV yêu cầu học sinh đối chiếu theo các yêu cầu của bài kiểm tra, đánh giá, nhận xét để tự rút ra ưu điểm và hạn chế trong bài viết của mình - Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa lại bài viết của mình. - HS chỉnh sửa bài viết của mình thông qua bài chữa và tự nhận thức của cá nhân.	tốt, trả lời đúng và đủ ý, đáp ứng yêu cầu của bài đọc hiểu. - Phần viết văn: + Đa số các em biết cách làm bài, viết đúng kiểu bài + Bố cục bài viết rõ ràng, tách đoạn hợp lí. + Luận điểm, luận cứ được sắp xếp phù hợp, dẫn chứng chính xác, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục + Dùng từ, đặt câu đúng chính tả và ngữ pháp, lời văn trong sáng, sinh động, gợi cảm. + Một số em có sự sáng tạo trong cách diễn đạt để tạo nên nét độc đáo riêng. 2. Nhược điểm: - Phần đọc hiểu: Một số em nắm kiến thức chưa vững, trình bày còn nhầm lẫn nhiều. - Phần viết văn: + Một số em còn lạc đề + Một số em chưa xác định đúng luận điểm hoặc luận điểm, luận cứ sắp xếp còn lộn xộn, dẫn chứng chưa phù hợp, viết lan man,... + Một số em trình bày còn chưa cẩn thận, chưa sạch sẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, diễn đạt... IV. Chỉnh sửa bài viết
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (20P)

a. Mục tiêu:

- HS biết nhận diện các lỗi và cách sửa lỗi.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi hoàn thành bài tập PHT.

c. Tổ chức thực hiện:

* NV4: HD sửa lỗi B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	III. Chữa lỗi
--	-----------------------------

- GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục). B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát ở bảng phụ, thảo luận, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm, 5 phút B3: Báo cáo kết quả/sản phẩm. Gv gọi HS trả lời, sửa lỗi, HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chốt lại kiến thức * GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * HS thực hiện nhiệm vụ * GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa - HS đọc phần đã sửa (GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại)	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5P)

a. Mục tiêu: Biết phát huy năng lực làm bài kiểm tra.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

c. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức hoạt động	ND trọng tâm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập 1: HS tự hoàn lại bài theo yêu cầu B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi bài cho nhau và thực hiện theo yêu cầu B3: Báo cáo kết quả/sản phẩm - HS báo cáo, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét câu trả lời của HS. - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS còn nhiều hạn chế	

* **Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

- **Củng cố:**

- + Nhắc lại yêu cầu của đề thi giữa học kì II
- + Chia sẻ cách làm bài để có thể đạt điểm cao khi đi thi

- Hướng dẫn về nhà:

- + **Bài vừa học:** HS xem lại bài, sửa lỗi

- Chuẩn bị bài mới.

- Rút kinh nghiệm:

.....

.....

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GVBM

Ký bởi: NGUYỄN THỊ NGÀ
Thời gian ký: 08/03/2026 21:37:55
Tổ chức xác thực: Viettel-CAR S



Nguyễn Thị Nga

Ký bởi: NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Thời gian ký: 04/03/2026 09:27:29
Tổ chức xác thực: Viettel-CAR S



Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 08:31 07/03/2026
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG